

Số: 128/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 25 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh
của Trường Đại học Đông Á

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về qui trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Đông Á, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 18/6/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo chính qui trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Đông Á của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức, đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng qui định hiện hành.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 44 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

2. Kiến nghị Trường Đại học Đông Á thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong Phụ lục 2).



3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về qui trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo chính qui trình độ đại học ngành ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Đông Á theo qui định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD

CHỦ TỊCH



Trần Đình Quang

PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Đông Á

(Kèm theo Nghị quyết số 128/NQ-HĐKĐCLV ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đán h giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đán h giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	5			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	3				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		3,80	5	80
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	3			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4,00	6	100
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	4						
Tiêu chuẩn 6		3,86	6	85,71	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		3,80	4	80
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	3				Tiêu chí 11.4	3			
								Tiêu chí 11.5	4
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)		
3,90					44		88		

TRUNG
KIỂM Đ
CHẤT L
GIÁO
TRƯỜNG Đ

PHỤ LỤC 2

**Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục
đối với Chương trình đào tạo chính qui trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh
của Trường Đại học Đông Á**

(Kèm theo Nghị quyết số 128/NQ-HĐKĐCLV ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh (gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Đông Á đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng giai đoạn 2017-2021. Kết quả đánh giá ngoài cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT Ngôn ngữ Anh được xác định rõ ràng, cụ thể; bao gồm các kiến thức, kỹ năng và năng lực phù hợp với ngành đào tạo, được tuyên bố chính thức và được cập nhật, bổ sung định kì. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngày càng thể hiện sự mạch lạc và rõ ràng, được cập nhật và bổ sung theo hướng mở rộng chuyên môn nghề nghiệp. Bản mô tả CTĐT được xây dựng theo mẫu của Trường; qua các lần cập nhật (năm 2018, 2020) được bổ sung, điều chỉnh dựa trên góp ý của các bên liên quan trong và ngoài trường. Mẫu đề cương học phần được cập nhật vào các năm 2011, 2015, 2018; đến nay nhìn chung đã có đầy đủ các thông tin cần thiết. 100% đề cương học phần đã công bố đủ thông tin, được tổ chức rà soát, cập nhật thông tin theo sự cập nhật. Chương trình dạy học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành; được thiết kế có cấu trúc, trình tự logic. 100% các học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý. Các phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá được giới thiệu chi tiết trong bản mô tả CTĐT, được lựa chọn phù hợp với mục tiêu của CTĐT, hướng đến việc đạt được chuẩn đầu ra. Nhà trường đã công khai Mục tiêu giáo dục và Triết lý giáo dục trên trang thông tin điện tử và tại nhiều văn bản quảng bá khác; hướng dẫn người học thực hiện các hoạt động học tập qua các buổi gặp gỡ đầu khóa, vào buổi học đầu tiên của mỗi học phần. 100% các đề cương học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp dạy và học phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng chuyên môn và các kỹ năng mềm, bố trí thời gian cho hoạt động tự học/tự nghiên cứu của sinh viên. Có qui định và qui trình về việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên, được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa, được nêu trong Sổ tay sinh viên; có hệ thống phần mềm để biên soạn, lựa chọn và xuất đề thi cho tất cả các học phần; các phương pháp và hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế đa dạng và phù hợp để đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra. Có ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển, tuyển dụng đội ngũ giảng viên và nhân viên với các tiêu chí rõ ràng, công khai. Khối lượng

công việc, số lượng và loại hình nghiên cứu khoa học của giảng viên được xác định rõ ràng, được giám sát, đánh giá và làm căn cứ để xét thi đua, khen thưởng. Có chính sách, qui định và kinh phí hỗ trợ giảng viên tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng giảng viên với nhiều nội dung phong phú. Có chính sách / đề án tuyển sinh, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người rõ ràng, xây dựng dựa trên ý kiến của các bên liên quan và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa. Có hệ thống thực hiện giám sát sự tiến bộ trong học tập, khối lượng học tập và rèn luyện của người học. Có phần mềm hệ thống hỗ trợ để quản lý, theo dõi SV nghỉ học dài ngày, cảnh báo học vụ, phản hồi sinh viên. Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học (06 giảng đường, 52 phòng học, 01 hội trường) và các phòng chức năng, không gian tự học, phòng họp trực tuyến; có thư viện với đủ học liệu; hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại; tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai. Có qui trình khảo sát, bộ công cụ lấy ý kiến và định kì đều thực hiện khảo sát các bên liên quan để điều chỉnh, cập nhật chương trình dạy học định kì; về các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ; kết quả khảo sát đã được phân tích, xử lý và sử dụng để cải tiến chất lượng hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ; nhiều các đề tài, công bố khoa học có liên quan và được áp dụng một số vào hoạt động dạy và học. Có hệ thống các văn bản qui định về việc theo dõi, giám sát tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp 6, 12 tháng. Hệ thống cơ sở dữ liệu tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp được quản lý và vận hành bởi phần mềm. Có qui định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Hằng năm thực hiện thu thập, xử lý dữ liệu và lập báo cáo khảo sát làm cơ sở để lập kế hoạch cải tiến cho năm học tiếp theo. Tỉ lệ đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan có xu hướng tăng dần qua các năm.

Tuy nhiên, CTĐT vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

(i) Nhà trường cần bổ sung thêm yêu cầu phát triển năng lực sáng tạo cho người học vào Mục tiêu của CTĐT, thống nhất cách trình bày các mục tiêu theo 07 PO (mục tiêu) trong các văn bản chính thức; tiếp tục rà soát, cập nhật các chuẩn đầu ra của CTĐT theo hướng tăng cường tính quan sát và đo lường được.

(ii) Xem xét bổ sung thêm thông tin cụ thể về (các) giảng viên phụ trách giảng dạy học phần trên các đề cương học phần (bên cạnh các thông tin về yêu cầu trình độ, kinh nghiệm). Tiếp tục hoàn thiện bản mô tả CTĐT theo hướng cô đọng hơn (phiên bản 2020 hiện có 67 trang) để các bên liên quan dễ tìm hiểu.

(iii) Ban hành văn bản hướng dẫn việc xác định các mức đóng góp (L, M, H) của các học phần đối với các chuẩn đầu ra của CTĐT để tạo thuận lợi trong việc xác định nội dung học phần và hoạt động đánh giá kết quả học tập. Tiếp tục hoàn thiện các mô-đun trong CTĐT theo hướng xác định rõ hơn về mục tiêu và các chuẩn đầu ra hướng đến;

xem xét tải trọng học tập của sinh viên ở mỗi học kì để có phương án điều chỉnh hợp lí. Xem xét việc tích hợp các học phần kĩ năng để giúp giảm tải và áp lực kiểm tra, thi.

(iv) Nên giới thiệu Triết lí giáo dục trong Sổ tay sinh viên và tạo cơ hội giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa của Triết lí giáo dục. Xây dựng hướng dẫn chi tiết về các mức đóng góp (L, M, H) của các học phần đối với chuẩn đầu ra của CTĐT; giảm tải học tập ở một số học kì để giúp tăng quỹ thời gian tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

(v) Xây dựng tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Bổ sung phần mềm quản lí thi và bồi dưỡng nhân sự phụ trách để thực hiện được công tác phân tích, đánh giá đề thi theo độ tin cậy. Tăng cường hậu kiểm công tác chấm thi kết thúc học phần, xây dựng thêm các hoạt động đánh giá học tập nhằm đánh giá năng lực tư duy bậc cao của người học.

(vi) Cần có kế hoạch xây dựng đội ngũ lãnh đạo kế cận, tăng số lượng giảng viên có trình độ cao (học vị tiến sĩ, học hàm giáo sư, phó giáo sư). Sớm bổ sung chức danh Trưởng bộ môn ngành Kế toán và đúng qui định. Xây dựng các chỉ số thực hiện quan trọng (KPIs) cho bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên, trong đó bao gồm các chỉ số về năng lực giảng dạy và kiểm tra, đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm khoa học.

(vii) Tổng kết chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 và ban hành chiến lược phát triển giai đoạn tiếp theo, làm rõ các chỉ tiêu về phát triển đội ngũ nhân viên; qui hoạch đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn nghiệp vụ theo từng vị trí việc làm, chú trọng đến yêu cầu năng lực để thực hiện “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; thiết lập quản trị hệ thống theo KPI, tiến hành đồng bộ các cơ chế giám sát và đánh giá kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ dựa trên các chỉ số KPI.

(viii) Cải tiến hoạt động thu thập lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đề án tuyển sinh để đảm bảo thu thập đúng và đủ số lượng, xử lí kết quả đảm bảo độ tin cậy. Khai thác thêm kênh thông tin dữ liệu liên quan đến dự báo nguồn nhân lực lĩnh vực ngành nghề, yêu cầu của thị trường lao động (cựu sinh viên và nhà tuyển dụng) để xây dựng chính sách/đề án tuyển sinh phù hợp với lĩnh vực ngành nghề. Tìm giải pháp nhằm tăng hiệu quả việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện. Định kì thực hiện hoạt động đánh giá tính hiệu quả của từng hoạt động hỗ trợ người học cả học thuật và phi học thuật để cải tiến các chương trình phù hợp với thực tiễn ngành nghề. Cần xây dựng đơn vị chuyên trách tham vấn tâm lí cho người học.

(ix) Bố trí phòng làm việc riêng cho trưởng bộ môn theo qui định; trang bị phòng thực hành nghề nghiệp (phòng kế toán mô phỏng, phòng thống kê cơ sở dữ liệu kinh tế, ngân hàng mô phỏng); cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn; hoàn thiện phần mềm



2

hỗ trợ và quản lý giảng dạy trực tuyến; tăng cường hiệu quả sử dụng các phòng studio để sản xuất nhiều hơn học liệu số.

(x) Ban hành văn bản chung qui định về hoạt động rà soát, đánh giá hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; hướng dẫn cụ thể việc áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên vào hoạt động dạy và học; tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với tất cả lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; ban hành qui định về hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan và qui định rõ về số lượng đối với mỗi đối tượng, nội dung, thời gian và qui trình khảo sát; hoàn thiện các bộ công cụ khảo sát để thực hiện thống nhất trong toàn Trường.

(xi) Phân tích nguyên nhân sinh viên thôi học, bỏ học, tốt nghiệp không đúng hạn của CTĐT thường xuyên hơn; đánh giá đầy đủ và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của sinh viên và mức độ hài lòng của các liên quan về sinh viên tốt nghiệp; xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Nhà trường, trong đó có chính sách đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, phù hợp với năng lực, mong muốn của sinh viên và đầu tư của Nhà trường; nâng mức chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên theo đúng qui định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng các lĩnh vực hoạt động.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 12/2024), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.
